

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 02/2022/HS-ST
Ngày 19 tháng 01 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh, là Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: ông Trịnh Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2021/TLST- HS ngày 16/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Quách Văn T sinh năm 1996 tại xã G, huyện G, tỉnh N, tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: xóm 6 Ph, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; trình độ văn hóa: lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Quách Văn V và bà Nguyễn Thị Ch; vợ con chưa có; tiền án: tại bản án số 78/2019/HSST, ngày 28/11/2019 của TAND huyện G, Quách Văn T bị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng; chấp hành xong ngày 28/5/2021 chưa được xóa án; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2021, chuyển tạm giam ngày 12/10/2021 tại Trại tạm giam công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: bà Bùi Thị V, sinh năm 1959. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: xóm 1 Thượng Hòa, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1957. Có mặt

Trú tại: xóm 6 Ph, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: chị Nhữ Thị . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quách Văn T, là người không có việc làm ổn định và trú tại xóm 6 Ph, xã G, huyện G. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/10/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu PASSION Japan, màu nâu, biển kiểm soát 35F3- 4798 đến chợ Đò, xã G để mua bún. Do trời mưa nên T đứng trú mưa tại vị trí trước cửa hàng bán thuốc tân được đối diện với quầy bán hàng của bà Bùi Thị V, sinh năm 1959, trú tại xóm 1 Th, xã G, huyện G. T quan sát thấy bà V đang dọn hàng và treo chiếc túi xách, chất liệu dạng vải bạt màu đỏ vàng, mặt trước và mặt sau túi có in hình con gấu có quai xách màu đỏ kích thước (25x13x29,5) cm, ở cột sắt bên trong quầy bán hàng phía sau vị trí bà V ngồi bán hàng. Sau đó bà V đi đến chỗ để xe chờ hàng cách quầy bà V ngồi bán hàng khoảng 05 mét để lấy xe, khi thấy bà V đi khỏi quầy bán hàng, T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi xách của bà V để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lợi dụng lúc bà V không chú ý, T đi bộ đến gần vị trí treo túi xách của bà V dùng tay phải lấy túi xách và quay lại vị trí để xe mô tô của mình treo túi xách vào hông phải của xe và điều khiển xe mô tô về nhà, lúc này chị Nhữ Thị L, sinh năm 1972, trú tại xóm chợ Đò, xã G là người bán hàng gần đó nhìn thấy T trộm cắp chiếc túi xách của bà V nên đã hô hoán và truy đuổi nhưng không kịp. Sau đó bà V đã đến Công an xã G để trình báo sự việc.

Sau khi trộm cắp được chiếc túi xách T mang về nhà mở túi xách ra kiểm tra thấy bên trong có số tiền 7.837.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo vỏ màu hồng có ốp nhựa màu trắng đục, 01 quyển sổ màu đen kích thước (2x21x14,5) cm và 01 túi vải kaki màu đỏ loại túi đeo hông có dây đeo màu đỏ. T đã bỏ hết số tiền và chiếc điện thoại di động vào túi ni lông màu trắng và cất giấu phía sau tivi ở phòng khách, còn quyển sổ màu đen và túi vải kaki màu đỏ loại túi đeo hông có dây đeo màu đỏ T bỏ vào trong túi xách và để dưới gầm giường ở phòng khách nhà T. Do lo sợ hành vi trộm cắp của mình đã có người phát hiện nên đến 15 giờ 00 phút cùng ngày T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35F3 – 4798 đến Công an xã G để đầu thú và giao nộp số tiền 7.837.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, vỏ màu hồng ốp nhựa màu trắng đục; 01 quyển sổ màu đen kích thước (2x21x14,5) cm; 01 chiếc túi vải kaki màu đỏ nhãn hiệu PHI LONG có dây đeo loại túi đeo hông kích thước (22x16x4,5) cm; 01 chiếc túi xách chất liệu dạng vải bạt màu đỏ vàng mặt trước và mặt sau túi có in hình con gấu có quai xách màu đỏ kích thước (25x13x29,5) cm. Cơ quan điều tra còn thu giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu PASSION Japan, màu nâu, biển kiểm soát 35F3 – 4798.

Trên cơ sở yêu cầu định giá tài sản số 207/CSĐT ngày 07/10/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra(CSĐT) Công an huyện G; tại bản Kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG-HĐ ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, vỏ màu hồng ốp nhựa màu trắng đục có giá trị 1.000.000 đồng; 01 quyển sổ màu đen kích

thước (2x21x14,5) cm có giá trị 10.000 đồng; 01 chiếc túi vải kaki màu đỏ nhãn hiệu PHI LONG có dây đeo loại túi đeo hông kích thước (22x16x4,5)cm có giá trị 50.000 đồng; 01 chiếc túi xách chất liệu dạng vải bạt màu đỏ vàng mặt trước và mặt sau túi có in hình con gấu có quai xách màu đỏ kích thước (25x13x29,5) có giá trị 20.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Quách Văn T trộm cắp của bà Bùi Thị V ngày 06/10/2021 là: 8.917.000 đồng (*tám triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng*).

Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã trả lại cho bà Bùi Thị V số tiền 7.837.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, vỏ màu hồng ốp nhựa màu trắng đục; 01 quyển sổ màu đen kích thước (2x21x14,5) cm; 01 chiếc túi vải kaki màu đỏ nhãn hiệu PHI LONG có dây đeo loại túi đeo hông kích thước (22x16x4,5) cm; 01 chiếc túi xách chất liệu dạng vải bạt màu đỏ vàng mặt trước và mặt sau túi có in hình con gấu có quai xách màu đỏ kích thước (25x13x29,5) cm; trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch 01 xe mô tô biển kiểm soát 35F3 – 4798.

Quá trình điều tra, Quách Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-GV ngày 15/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Quách Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Quách Văn T như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm tội “trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quách Văn T từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/10/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi,

quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Quách Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/10/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu PASSION Japan, màu nâu, biển kiểm soát 35F3- 4798 đến chợ Đò, xã G để mua bún. Tại đây, T quan sát thấy bà Bùi Thị V đang dọn hàng và treo chiếc túi xách, chất liệu dạng vải bạt màu đỏ vàng, mặt trước và mặt sau túi có in hình con gấu có quai sách màu đỏ kích thước (25x13x29,5) cm, ở cột sắt bên trong quầy bán hàng phía sau vị trí bà V ngồi bán hàng. Lợi dụng lúc bà V không chú ý, T đi bộ đến gần vị trí treo túi xách của bà V dùng tay phải lấy túi xách và quay lại vị trí để xe mô tô của mình treo túi xách vào hông phải của xe và điều khiển xe mô tô về nhà, lúc này chị Nhữ Thị L, là người bán hàng gần đó nhìn thấy T trộm cắp chiếc túi xách của bà V nên đã hô hoán và truy đuổi nhưng không kịp. Như vậy, rõ ràng bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Bùi Thị V số tài sản có trị giá tổng tiền là 8.917.000 đồng đúng như Bản cáo trạng và kết luận định giá tài sản đã mô tả nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T là người đang có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thân xấu.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản trả lại cho bị hại nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” “*người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần có một hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo T không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[7]. Về trách nhiệm dân sự.

Đối với thiệt hại của bà Bùi Thị V: bà V đã nhận lại số tiền 7.837.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, vỏ màu hồng ốp nhựa màu trắng đục; 01 quyển sổ màu đen kích thước (2x21x14,5) cm; 01 chiếc túi vải kaki màu đỏ nhãn hiệu PHI LONG có dây đeo loại túi đeo hông kích thước (22x16x4,5) cm; 01 chiếc túi xách chất liệu dạng vải bạt màu đỏ vàng mặt trước và mặt sau túi có in hình con gấu có quai xách màu đỏ kích thước (25x13x29,5) cm và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; bà Nguyễn Thị Ch cũng không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên phần trách nhiệm dân sự Tòa không xét.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 35F3 – 4798 thu giữ của T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ch (mẹ đẻ của T). Việc T sử dụng xe mô tô vào việc trộm cắp tài sản bà Ch không biết. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Ch là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm tội "*trộm cắp tài sản*". Xử phạt bị cáo Quách Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/10/2021.

2. Về án phí: buộc bị cáo Quách Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP;

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc